TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐA** **THÀNH PHỐ HN** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **==========**

Bản án số: **80**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2024.
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐA – THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Khánh.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Đệ**
Bà **Ngô Thị Yêm**

- Thư ký phiên toà: Ông **Hoàng Xuân Hiếu** – Thư ký Toà án nhân dân huyện ĐA, thành phố HN.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐA, thành phố HN tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐA, thành phố HN xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 561/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Minh N**, sinh năm 1980;

Nơi thường trú: Xóm 2B, xã KN, huyện ĐA, thành phố HN;

Nơi cư trú: Phòng 402, tòa V, MĐ1, phường CD, quận NTL, thành phố HN. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972; Nơi thường trú: Xóm 2B, xã KN, huyện ĐA, thành phố HN. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo chị Đỗ Thị Minh N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KN, huyện ĐA, thành phố HN ngày 13/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với bố mẹ đẻ anh T tại Xóm 2B, xã KN, huyện ĐA, thành phố HN sau đó vợ chồng chuyển ra ở riêng tại tổ 36, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố HN rồi tiếp tục chuyển sang sinh sống tại Phòng 402, tòa V, MĐ1, phường CD, quận NTL, thành phố HN.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ham mê cờ bạc, không tập trung làm

ăn kinh tế. Anh T thường lấy tiền của chị N để đi chơi cờ bạc, thậm chí chị N đã phải trả nợ nhiều lần cho anh T nhưng hiện nay chị không còn lưu giữ được những tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ cho anh T để giao nộp cho Tòa án. Từ mâu thuẫn đó nên vợ chồng anh chị đã có lần đánh, cãi nhau tuy nhiên việc đánh cãi nhau chỉ thỉnh thoảng xảy ra và không gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Khoảng năm 2019, anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh T tại Xóm 2B, xã KN, huyện ĐA, thành phố HN để sinh sống, còn chị N vẫn sống tại địa chỉ Phòng 402, tòa V, MĐ1, phường CD, quận NTL, thành phố HN. Khoảng năm 2020 – 2021, chị N làm đơn ly hôn anh T đến Tòa án nhân dân huyện ĐA. Chị và anh T đã lên Tòa án, nhưng vợ chồng cần có thời gian hòa giải mâu thuẫn, nên chị N đã rút đơn khởi kiện ly hôn để vợ chồng tự dàn xếp đoàn tụ. Tuy nhiên, từ đó đến nay vợ chồng vẫn ly thân nên tình cảm không được hàn gắn.

Chính quyền địa phương chưa lần nào hòa giải mâu thuẫn vợ chồng vì không ai có yêu cầu. Gia đình hai bên cũng chưa nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng anh chị.

Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị ly hôn với anh T để vợ chồng sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Thị C.A – Sinh ngày 17/9/2008 và cháu Nguyễn Thị N.K – Sinh ngày 28/11/2010. Ngoài ra vợ chồng anh chị không có con chung nào khác. Chị N không có thai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Hiện nay, cả hai con đang ở với chị N, sức khỏe các cháu tốt và các cháu vẫn đi học đầy đủ. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung đến khi các con chung thành niên, có khả năng tự lập về kinh tế hoặc có sự thay đổi khác vì hiện nay cả hai con chung đang ở với chị N và đang học tại trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông LQĐ. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị N đang làm kế toán, thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung và công sức chung.

Đối với anh Nguyễn Văn T, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh tại nơi cư trú xác định: Anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 2B, xã KN, huyện ĐA, thành phố HN và vẫn đang sinh sống tại địa phương cùng với bố mẹ đẻ. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn T không liên hệ với Tòa án và cũng không có ý kiến phản hồi về các yêu cầu của chị Đỗ Thị Minh N.

Tại phiên tòa: Chị Đỗ Thị Minh N vẫn giữ nguyên toàn bộ ý kiến, yêu cầu khi khởi kiện. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T không thể cải thiện, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đã từng làm đơn xin ly hôn tại Tòa án và rút đơn để anh chị có cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả nên chị phải tiếp tục xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐA phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Minh N với anh Nguyễn Văn T.

Giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con vì không có yêu cầu.

Tài sản: Không yêu cầu, nên không giải quyết

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Minh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không trình bày các ý kiến đối với các yêu cầu của chị N trong vụ kiện; đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, dành quyền kháng cáo cho anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Minh N với anh Nguyễn Văn T: Chị N và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KN, huyện ĐA, thành phố HN ngày 13/12/2007 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với bố mẹ đẻ anh T tại Xóm 2B, xã KN, huyện ĐA, thành phố HN sau đó vợ chồng chuyển ra ở riêng tại tổ 36, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố HN rồi tiếp tục chuyển sang sinh sống tại Phòng 402, tòa V, MĐ1, phường CD, quận NTL, thành phố HN.

Qua lời khai của chị N, kết quả điều tra xác minh thể hiện: Quá trình chung sống, giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N xác định là do anh T ham mê cờ bạc, không tập trung làm ăn kinh tế. Chính quyền địa phương xác nhận anh T trở về xóm 2B, xã KN, huyện ĐA sinh sống với bố mẹ đẻ anh T từ vài năm trở lại đây, còn chị N vẫn sinh sống ngoài địa phương, năm 2020 chị N đã làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T đến Tòa án và đã được Tòa án thụ lý giải quyết, nhưng sau đó chị rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi rút đơn tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn không cải thiện, kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn giữa anh T chị N không được cải thiện, vợ chồng vẫn sống ly thân cho đến nay. Anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh chị theo quy định của

pháp luật do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho anh chị được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T chị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân kéo dài, do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là: Cháu Nguyễn Thị C.A, Sinh ngày 17/9/2008 và cháu Nguyễn Thị N.K, Sinh ngày 28/11/2010. Ngoài ra anh chị không có con chung nào khác. Hiện nay cháu C.A và cháu N.K đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung khi ly hôn. Anh T không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N. Yêu cầu của chị N phù hợp với nguyện vọng và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của hai con chung vì hiện nay các cháu đều đang học tại trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông LQĐ gần nơi hiện nay các cháu đang sinh sống. Việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến, quan điểm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Minh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 147; Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Minh N với anh Nguyễn Văn T. Chị Đỗ Thị Minh N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con: Giao 02 con là Nguyễn Thị C.A, Sinh ngày 17/9/2008 và Nguyễn Thị N.K, Sinh ngày 28/11/2010 cho chị Đỗ Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có Quyết định khác của Tòa án, việc cấp dưỡng nuôi con không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị Đỗ Thị Minh N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí này được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0007262 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Đỗ Thị Minh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐA;
- Tòa án nhân dân thành phố HN;
- Chi cục THADS huyện ĐA;
- UBND xã KN, huyện ĐA, thành phố HN (GCN kết hôn số 137/2007, ngày 13/12/2007);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Khánh